TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**28/**2019/DS – ST
Ngày:25/9/2019
"V/v: Tranh chấp hợp đồng đặt cọc"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Sa Pha
Các hội thẩm nhân dân:
1./ Ông Nguyễn Văn Ngư
2./ Ông Lâm Ngọc Hà
Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2019/TLST – DS ngày 03/4/2019; Về việc *"Tranh chấp hợp đồng đặt cọc"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2019/QĐXXST – DS ngày 12 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2019/QĐST – DS ngày 04 tháng 9 năm 2019; giữa các đương sự:

- NguY đơn: Ông Nguyễn Văn B2, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khu vực 12, phường CVL, quận Ô, thành phố CT.

+ *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Kim Điền P, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số 64, ấp CĐ, thị trấn HHN, huyện MT, tỉnh ST (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lâm Bình Y. Địa chỉ: ấp PQ, xã PT, huyện CT, tỉnh ST (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Phan Văn Th, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp ĐT, xã HĐK, huyện CT, tỉnh ST (có mặt).

- *Người làm chứng:* Ông Huỳnh Văn T. Địa chỉ: ấp XĐ, xã HĐK, huyện CT, tỉnh ST(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 02 năm 2019 của nguY đơn ông Nguyễn Văn B2 (Nguyễn Văn M), các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên toà ngày hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Kim Điền P trình bày:*

Vào ngày 27/8/2018 (nhằm ngày 17/7/2018 âm lịch), ông B2 có ký hợp đồng mua bán lúa với ông Lâm Bình Y số lượng là 130 công lúa, ước tính

khoảng 100 tấn, loại lúa 5451, hai bên thỏa thuận ngày thu hoạch và giao lúa vào ngày 28/11/2018 âm lịch. Sau khi hai bên ký hợp đồng thì ông Y nhận của ông số tiền 39.000.000 đồng tiền cọc tương ứng mỗi công đặt cọc là 300.000 đồng, việc nhận tiền cọc hai bên có làm hợp đồng và cùng ký tên. Nhưng đến ngày hẹn giao nhận lúa thì phía ông Y không có lúa giao cho ông, vì ông Y bán lúa cho người khác. Sau đó, hai bên nhiều lần gặp nhau để trao đổi việc ông Y không thực hiện đúng hợp đồng mua bán lúa và cũng như việc trả lại số tiền đặt cọc 39.000.000 đồng đã nhận thì ông Y nhiều lần hứa hẹn hoặc cố tình né tránh không trả lại số tiền cọc 39.000.000 đồng.

Nay nguyên đơn ông Nguyễn Văn B2 khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc bị đơn ông Lâm Bình Y có nghĩa vụ trả lại số tiền đặt cọc đã nhận còn nợ lại là 39.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 28/11/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

* Bị đơn ông Lâm Bình Y được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng đều vắng mặt, không có lý do và không có ý kiến trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguY đơn ông Nguyễn Văn B2 yêu cầu trả lại số tiền cọc đã nhận còn nợ lại 39.000.000 đồng và tiền lãi nêu trên.

* Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Th trình bày: Ông là người dẫn ông Nguyễn Văn B2 đi mua lúa tại xã Phú Tân và giới thiệu ông B2 với ông Lâm Bình Y để mua lúa. Cũng như số tiền 39.000.000 đồng đặt cọc cho ông Y để mua lúa là của ông B2 đưa cho ông để đặt cọc cho ông Y, chứ không phải tiền của ông và ông làm người đại diện cho ông B2 thỏa thuận, ký kết Hợp đồng thu mua lúa lương thực ngày 17/7/2018 với ông Lâm Bình Y. Nay ông B2 khởi kiện đòi ông Lâm Bình Y trả lại số tiền đặt cọc 39.000.000 đồng thì ông thống nhất, ông không có ý kiến gì khác.

* Người làm chứng ông Huỳnh Văn T trình bày: Ông là người cùng đi với ông Phan Văn Th đến gặp ông Lâm Bình Y để thỏa thuận mua lúa tại xã Phú Tân, cũng như ông chứng kiến việc ông Th giao tiền đặt cọc 39.000.000 đồng cho ông Y, khi đến thời gian hẹn cắt lúa thì ông Y không giao lúa như thỏa thuận mua bán và ông cùng ông Th nhiều lần đến gặp ông Y để lấy tiền cọc nhưng ông Y đều hứa hẹn, không trả lại tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị đơn ông Lâm Bình Y. Xét thấy, ông Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Lâm Bình Y theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 27/8/2018, ông B2 có thỏa thuận, ký hợp đồng mua bán lúa với ông Lâm Bình Y số lượng là 130 công lúa, ước tính

khoảng 100 tấn, loại lúa 5451, hai bên thỏa thuận ngày thu hoạch và giao lúa vào ngày 28/11/2018 âm lịch. Sau khi hai bên ký hợp đồng thì ông Y nhận số tiền đặt cọc 39.000.000 đồng trực tiếp từ ông Phan Văn Th, do tiền ông B2 đưa cho ông Th để đặt cọc cho ông Y vì ông Th là người giới thiệu ông Y cho ông B2 để mua lúa, việc nhận tiền cọc hai bên có làm hợp đồng và cùng ký tên. Nhưng đến ngày hẹn giao nhận lúa thì phía ông Y không có lúa giao cho ông B2, vì ông Y bán lúa cho người khác. Sau đó, hai bên nhiều lần gặp nhau để trao đổi việc ông Y không thực hiện đúng hợp đồng mua bán lúa và cũng như việc trả lại số tiền đặt cọc 39.000.000 đồng đã nhận nên ông B2 khởi kiện ra Tòa án. Từ đó, các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu của nguY đơn thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguY đơn vẫn giữ nguY yêu cầu khởi kiện của nguY đơn đối với bị đơn ông Lâm Bình Y yêu cầu trả lại cho ông B2 số tiền cọc đã nhận là 39.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 28/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (10 tháng 27 ngày) x lãi suất 0,83%/tháng tương ứng số tiền lãi là 3.528.330 đồng.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ của nguY đơn nộp cho Tòa án như "Hợp đồng mua bán lúa lương thực ngày 17/7/2018" (bút lục số 24), có nội dung: "…Bên A sẽ đặt cọc cho bên B với số tiền 300.000 đồng/công tầm lớn vào ngày 17.9.2018. Tổng số tiền đặt cọc 39.000.000 đồng. Bằng chữ: Ba mươi chín triệu đồng…máy gặt đập liên hợp, đúng 10 giờ…" được Tòa án công khai chứng cứ và bị đơn ông Lâm Bình Y không có ý kiến gì phản đối, cũng như tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Th và người làm chứng ông Huỳnh Văn T cũng xác định có nội dung thỏa thuận, ký kết hợp đồng mua bán lúa giữa ông B2 với ông Y vào ngày 17/7/2018, cũng như việc ông Y nhận trực tiếp số tiền cọc mua lúa 39.000.000 đồng từ ông Th, tiền do ông B2 đưa cho ông Th để đặt cọc cho ông Y. Nên Hội đồng xét xử, có đủ căn cứ xác định bị đơn ông Lâm Bình Y có nhận số tiền cọc 39.000.000 đồng trong việc thỏa thuận mua bán lúa giữa hai bên, có ký kết hợp đồng vào ngày 17/7/2018 và đến thời gian giao nhận lúa thì ông Lâm Bình Y không thực hiện đúng hợp đồng đã thỏa thuận, ký kết. Đối chiếu với quy định tại Điều 328 của Bộ luật dân sự năm 2015 và cũng như nội dung "Hợp đồng mua bán lúa ngày 17/7/2018" mà giữa hai bên thỏa thuận, ký kết thì đáng lẽ ra bị đơn còn bị phạt cọc do đã vi phạm nghĩa vụ không giao lúa cho phía nguyên đơn như đã thỏa thuận. Nhưng do nguyên đơn ông B2 không yêu cầu bị đơn bị phạt cọc mà chỉ yêu cầu trả lại số tiền cọc đã nhận 39.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả là có lợi cho bị đơn. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bị đơn cũng không có ý kiến gì phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguY đơn và cũng như không có ý kiến gì trong việc xác định lỗi trong việc thực hiện "Hợp đồng mua bán lúa lương thực ngày 17/7/2018" mà hai bên đã thỏa thuận, ký kết. Do đó, phải gánh chịu hậu quả pháp lý của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B2 đối với bị đơn ông Lâm Bình Y về việc trả lại tiền đặt cọc và tiền lãi suất chậm trả là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm:

[4.1] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn B2 không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4.2] Bị đơn ông Lâm Bình Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 2.126.416 đồng (42.528.330 đồng x 5%) theo quy định khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 2 Điều 91; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng: khoản 3 Điều 292, Điều 328, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

TuY xử:

1./ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B2 đối với bị đơn ông Lâm Bình Y yêu cầu trả lại tiền đặt cọc và tiền lãi suất chậm trả.

2./ Buộc bị đơn ông Lâm Bình Y có nghĩa vụ thanh toán số tiền cọc và tiền lãi suất chậm trả cho nguY đơn ông Nguyễn Văn B2 là 42.528.330 đồng (Bốn mươi hai triệu năm trăm hai mươi tám nghìn ba trăm ba mươi đồng).Trong đó, tiền cọc là 39.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/9/2019) là 3.528.330 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Văn B2 có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lâm Bình Y không thanh toán số tiền cọc nêu trên, thì bị đơn ông Lâm Bình Y còn phải chịu khoản tiền lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3./ Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1./ Nguyên đơn ông Nguyễn Văn B2 được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 999.500 đồng theo biên lai thu số 0006807 ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

3.2./ Bị đơn ông Lâm Bình Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 2.126.416 đồng (Hai triệu một trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm mười sáu đồng).

4./ Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuY án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm. Đối với ông Lâm Bình Y thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

5./ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha